

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND phường Thành Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu	Thu	Tổng thu	Thu	Tổng thu	Thu
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	174.865	80.766	251.105	134.340	144%	166%
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	107.680	13.581	141.477	24.712	131%	182%
I	Thu nội địa	107.680	13.581	141.477	24.712	131%	182%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	0	0	0	0		
	- Thuế giá trị gia tăng			0	0		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			0	0		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	47	0	19	0	41%	
	- Thuế giá trị gia tăng			5	0		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			15	0		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			0	0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)			2.546	0		
	- Thuế giá trị gia tăng			895	0		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			1.651	0		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	21.103	790	26.077	2.833	124%	359%
	- Thuế giá trị gia tăng			17.743	2.833		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			8.334	0		
	- Thuế tài nguyên			0	0		
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			0	0		
	- Thu khác			0	0		
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.610	2.114	15.580	4.276	236%	202%
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	14.320	840	12.245	1.639	86%	195%
8	Thu phí, lệ phí	210	141	464	200	221%	142%
	- Phí và lệ phí trung ương			175	0		
	- Phí và lệ phí tỉnh			89	0		
	- Phí và lệ phí xã, phường			200	200		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			0	0		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.300	282	2.008	1.402	154%	497%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	3.800	249	5.307	2.155	140%	865%
12	Thu tiền sử dụng đất	60.000	4.350	75.515	11.609	126%	267%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			0	0		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			0	0		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			0	0		
16	Thu khác ngân sách	121	4.646	1.448	380	1197%	8%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	169	169	218	218	129%	129%
18	Các khoản thu huy động, đóng góp			50	0		
II	Thu từ dầu thô			0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			0	0		
IV	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			0	0		
B	THU CHUYÊN GIAO NGÂN SÁCH	67.185	67.185	104.103	104.103	155%	155%
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			0	0		
D	THU CHUYÊN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYÊN SANG			5.525	5.525		